

Số: 725/QĐ-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại điểm rèn luyện toàn khóa của sinh viên
Lớp D21KDC1, D21QHC1, D21QLC1, D21KXC1, D21QXC1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị Quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-ĐHXDMT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc đánh giá kết quả học tập sinh viên đại học lớp D21KDC1, D21QHC1, D21QLC1, D21KXC1, D21QXC1 đến học kỳ II, năm học 2024 - 2025;

Căn cứ biên bản họp ngày 6 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại điểm rèn luyện toàn khóa học của sinh viên lớp D21KDC1, D21QHC1, D21QLC1, D21KXC1, D21QXC1.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả điểm rèn luyện là căn cứ xét học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng theo Quy chế. Kết quả điểm rèn luyện sinh viên được lưu trong hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khóa của sinh viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT, Hiệu trưởng (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên (t/h);
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kế toán doanh nghiệp

Lớp học : D21KDC1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ3403011001	Phạm Lê Nhã	Linh	25/06/2003	88	92	91	98		94	Xuất sắc
2	21DQ3403011007	Nguyễn Á	Anh	26/06/2003	73	72	69	80		74	Khá
3	21DQ3403011015	Nguyễn Thị Thu	Xoan	26/10/2003	76	72	59	76		70	Khá
4	21DQ3403011016	Nguyễn Phan Hoài	Phương	03/03/2003	69	73	43	57		57	TB
5	21DQ3403011017	Đặng Thị Mỹ	Liễu	06/06/2003	69	73	62	72		69	Khá
6	21DQ3403012002	Trần Thị Thu	Thảo	27/01/2003	87	89	91	95		92	Xuất sắc
7	21DQ3403012003	Trần Phương	Thùy	08/01/2003	64	66	17	57		48	Yếu
8	21DQ3403012004	Lê Thị	Hòa	21/03/2003	70	72	63	74		70	Khá
9	21DQ3403012005	Đinh Thị Thanh	Tâm	18/09/2003	74	71	64	74		70	Khá
10	21DQ3403012006	Huỳnh Thị Bích	Trâm	06/09/2003	82	77	63	79		74	Khá
11	21DQ3403012007	Tô Thị Kiều	Oanh	16/10/2003	71	68	64	70		68	Khá
12	21DQ3403012008	Lê Thị Phụng	Hoàng	24/08/2003	70	68	53	69		64	TB
13	21DQ3403012009	Trần Huỳnh Mỹ	Duyên	07/04/2003	65	69	59	71		66	Khá
14	21DQ3403012010	Trần Thị Mỹ	Linh	07/12/2003	65	64	57	73		66	Khá
15	21DQ3403012012	Phạm Anh	Vũ	16/09/2003	81	80	69	82		78	Khá
16	21DQ3403012013	Nguyễn Thu	Hiền	07/11/2003	80	72	58	74		69	Khá
17	21DQ3403012016	Lê Thị Tường	Vy	26/09/2003	81	82	73	79		78	Khá
18	21DQ3403012019	Lê Thành	Trung	13/06/2003	67	67	56	70		65	Khá
19	21DQ3403012023	Nguyễn Bích	Ngân	01/07/2003	67	69	59	76		69	Khá
20	21DQ3403012025	Nguyễn Thị Bích	Thùy	02/04/2003	70	67	60	72		67	Khá
21	21DQ3403012026	Đặng Út	Oanh	01/11/2003	75	73	69	76		73	Khá
22	21DQ3403012028	Võ Trịnh Bích	Hợp	13/12/2003	76	72	69	73		72	Khá
23	21DQ3403012032	Hồ Cẩm	Ly	06/12/2003	82	79	75	86		81	Tốt
24	21DQ3403012033	Nguyễn Thị Bảo	Lộc	27/12/2003	78	79	66	77		74	Khá
25	21DQ3403012035	Châu Đào Bích	Phượng	07/06/2003	64	68	55	69		64	TB
26	21DQ3403012036	Lê Hoàng Phương	Thảo	04/09/2003	72	67	62	73		68	Khá
27	21DQ3403012037	Lương Thị Thu	Thảo	02/12/2002	74	75	62	74		71	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
28	21DQ3403012038	SENGBOUALAY Neng	11/09/1998	65	64	54	67		62	TB
29	21DQ3403012040	Nguyễn Thị Thùy Kiều	20/03/2003	63	67	54	70		64	TB
30	21DQ3403012042	Đỗ Thị Thu Cúc	16/08/2003	65	68	53	70		64	TB
31	21DQ3403012043	Nguyễn Thị Thùy Dung	11/01/2003	73	67	54	68		64	TB
32	21DQ3403012044	Nguyễn Xuân Hân	09/10/2003	70	69	59	72		67	Khá
33	21DQ3403012045	Võ Quỳnh Nhi	10/02/2003	77	80	70	80		77	Khá
34	21DQ3403012047	Nguyễn Như Quỳnh	04/04/2003	70	73	78	86		79	Khá
35	21DQ3403012048	Trần Thị Thanh Tâm	22/04/2003	70	69	64	71		68	Khá
36	21DQ3403012049	Trần Thị Phương Thanh	20/04/2003	71	76	66	71		71	Khá
37	21DQ3403012050	Nguyễn Thị Anh Thư	06/02/2003	68	71	68	84		75	Khá
38	21DQ3403012901	Trần Thị Hoài Ngọc	28/10/2000	69	63	57	0		37	Yếu
39	21DQ3403016053	Võ Thị Trường Quy	08/10/2003		52	48	55		52	GTB

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	5.13%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	1	2.56%	TB	8	20.51%
Khá	26	66.67%	Yếu - Kém	2	5.13%

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lê Đức Thường

Trưởng phòng CTSV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kinh tế xây dựng

Lớp học : D21KXC1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ5803011001	Nguyễn Thị Khánh Đoan	05/06/2003	82	87	85	80		83	Tốt
2	21DQ5803011002	Nguyễn Bạch Nhật Trường	11/09/2003	66	62	61	64		63	TB
3	21DQ5803011004	Đinh Thị Ánh Nguyệt	01/10/2003	78	74	68	73		72	Khá
4	21DQ5803011005	Trần Thị Minh Hậu	29/10/2003	78	76	71	76		75	Khá
5	21DQ5803011007	Lê Yến Nhi	15/10/2003	75	66	64	68		67	Khá
6	21DQ5803011009	Nguyễn Thị Ngân	13/02/2003	63	64	63	70		66	Khá
7	21DQ5803011010	Thái Hà Nam	26/04/2003	63	61	66	68		66	Khá
8	21DQ5803011011	Trần Kim Chi	04/04/2003	78	68	73	73		73	Khá
9	21DQ5803011012	Phan Hồng Phúc	16/09/2003	62	64	61	66		64	TB
10	21DQ5803011013	Tạ Thị Anh Thư	17/11/2003	64	56	62	55		58	TB
11	21DQ5803011014	Nguyễn Thị Kiều Tiên	08/10/2003	86	97	87	88		89	Tốt
12	21DQ5803011018	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	24/05/2003	71	65	70	72		70	Khá
13	21DQ5803011020	Nguyễn Thị Mỹ Lê	06/12/2003	84	83	71	72		75	Khá
14	21DQ5803011027	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	23/03/2003	80	83	69	76		76	Khá
15	21DQ5803011028	Đặng Lê Yến Nhi	10/05/2003	61	67	83	77		75	Khá
16	21DQ5803011030	Nguyễn Quốc Hùng	04/11/2003	65	69	58	63		63	TB
17	21DQ5803011032	Hà Thị Mỹ Dung	17/10/2003	84	82	83	77		81	Tốt
18	21DQ5803011033	Lê Trọng Viện	26/07/2003	64	62	66	70		67	Khá
19	21DQ5803011034	Nguyễn Tuấn Bảo	27/02/2003	85	90	84	82		85	Tốt
20	21DQ5803011035	Phan Văn Phúc	28/10/2003	65	62	63	68		65	Khá
21	21DQ5803011036	Nguyễn Minh Tâm	06/12/2003	64	68	67	66		67	Khá
22	21DQ5803011037	Trần Thị Bích Đan	15/11/2003	80	91	87	82		85	Tốt
23	21DQ5803011038	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	08/09/2003	78	73	71	71		72	Khá
24	21DQ5803011039	Trương Phan Minh Ngọc	27/03/2003	72	67	69	67		68	Khá
25	21DQ5803011040	Lê Thị Khuyên	04/10/2003	70	93	94	91		90	Xuất sắc
26	21DQ5803011042	Nguyễn Thanh Thảo	11/08/2003	85	93	89	86		88	Tốt
27	21DQ5803011043	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/12/2003	74	71	77	70		73	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
28	21DQ5803011044	Lê Thị Ngọc	Hương	28/06/2003	90	98	84	86		88	Tốt
29	21DQ5803011046	Đàm Thiện	Nhân	05/02/2003	63	65	63	66		65	Khá
30	21DQ5803011048	Lê Huyền	Trang	27/09/2002	69	78	66	69		70	Khá
31	21DQ5803011049	Hồ Thị	Nhiễn	06/11/2002	62	65	67	63		65	Khá
32	21DQ5803011701	PHOUNPAKONE	Malina	15/01/2000	81	79	61	64		68	Khá
33	21DQ5803011702	XAYAKOUMMAN	Souksavanh	04/11/1999	61	63	60	60		61	TB

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	3.03%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	7	21.21%	TB	5	15.15%
Khá	20	60.61%	Yếu - Kém	0	0.00%

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản lý xây dựng

Lớp học : D21QXC1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ5803021002	Châu Thị Kim Quyên	24/01/2003	67	62	72	66		67	Khá
2	21DQ5803021003	Lê Võ Trọng Tín	16/04/2002	65	55	67	55		60	TB
3	21DQ5803021004	Võ Văn Luân	24/07/2003	59	66	61	53		59	TB
4	21DQ5803021005	Nguyễn Huy Hoàng	08/04/2003	71	66	87	76		77	Khá
5	21DQ5803021006	Trần Nhâm	02/07/2003	66	61	60	57		60	TB
6	21DQ5803021008	Võ Ngọc Tường	04/02/2003	56	53	60	54		56	TB
7	21DQ5803021010	Lê Thành Đạt	06/10/2001	70	75	89	60		73	Khá
8	21DQ5803021012	Nguyễn Danh Tiến	05/09/2003	77	66	80	65		71	Khá
9	21DQ5803021014	Nguyễn Thị Nhã Linh	14/07/2003	64	67	85	75		75	Khá
10	21DQ5803021015	Nguyễn Thị Thanh Thảo	05/05/2003	65	65	85	77		76	Khá
11	21DQ5803021017	Nguyễn Trần Hoàng	19/03/2003	63	65	83	73		73	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	4	36.36%
Khá	7	63.64%	Yếu -Kém	0	0.00%

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh du lịch

Lớp học : D21QLC1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ3401011020	Lê Trung	Giang	10/06/1989	83	89	88	72		81	Tốt
2	21DQ3401011055	Võ Hà Thị Hồng	Ngọc	21/09/2002	76	78	67	59		67	Khá
3	21DQ3401011057	Trần Bảo	Trần	27/07/2003	86	97	87	71		83	Tốt
4	21DQ3401011065	Nguyễn Thị Thuý	Mai	19/04/2003	77	80	75	61		71	Khá
5	21DQ3401011066	Phạm Ngọc Phương	Uyên	07/12/2003	80	84	77	59		72	Khá
6	21DQ3401011078	Nguyễn Thái	Bình	04/08/2003	89	90	88	75		83	Tốt

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	3	50.00%	TB	0	0.00%
Khá	3	50.00%	Yếu -Kém	0	0.00%

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trưởng phòng CTSV

Người lập bảng

TS. Lê Đức Thường

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh tổng hợp

Lớp học : D21QHC1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ3401011001	Huỳnh Thị Ánh Như	27/04/2003	85	93	79	73		80	Tốt
2	21DQ3401011002	Huỳnh Trần Tú Uyên	06/09/2003	58	66		47		54	TB
3	21DQ3401011003	Võ Khang	29/01/2003	63	64	56	51		56	TB
4	21DQ3401011004	Võ Thị Minh Thư	18/12/2003	71	79	70	59		68	Khá
5	21DQ3401011005	Nguyễn Đại Đồng	18/12/2003	71	68	59	56		61	TB
6	21DQ3401011006	Nguyễn Lê Ái Sâm	06/01/2003	63	68	58	55		59	TB
7	21DQ3401011008	Phạm Anh Hùng	02/03/2003	81	81	65	55		66	Khá
8	21DQ3401011009	Hoàng Thị Phương Nam	24/10/2003	78	84	83	64		75	Khá
9	21DQ3401011010	Nguyễn Ngọc Phương	26/11/2003	70	72	64	52		61	TB
10	21DQ3401011012	Nguyễn Thị Thu Giang	09/03/2003	73	70	67	55		63	TB
11	21DQ3401011014	Cao Thu Thảo	18/01/2003	75	77	59	55		63	TB
12	21DQ3401011015	Nguyễn Phạm Khánh Duy	18/08/2003	72	69	64	55		62	TB
13	21DQ3401011016	Lê Thị Kỳ Duyên	12/03/2003	79	70	68	57		65	Khá
14	21DQ3401011017	Nguyễn Thế Hùng	01/07/2003	63	68	61	53		59	TB
15	21DQ3401011022	Đỗ Thị Hồng Ánh	09/12/2003	71	73	55	53		59	TB
16	21DQ3401011023	Nguyễn Thị Mỹ Linh	31/05/2003	77	81	63	60		67	Khá
17	21DQ3401011024	Trần Quốc Đạt	10/12/2003	68	63	58	53		58	TB
18	21DQ3401011027	Lưu Quốc Tuấn	25/01/2003	73	72	67	57		65	Khá
19	21DQ3401011028	Nguyễn Thị Như Hiền	17/03/2003	67	69	60	53		60	TB
20	21DQ3401011032	Nguyễn Ánh Thi	04/09/2003	70	79	72	59		68	Khá
21	21DQ3401011034	Nguyễn Lâm Vũ	21/05/2003	68	82	61	60		66	Khá
22	21DQ3401011036	Nguyễn Quốc Thái	29/12/2003	71	80	59	55		63	TB
23	21DQ3401011040	Nguyễn Minh Tâm	17/10/2003	64	76	70	55		65	Khá
24	21DQ3401011043	Nguyễn Xuân Mỹ Trinh	23/01/2003	76	69	56	54		60	TB
25	21DQ3401011046	Nguyễn Thị Tú Trinh	10/11/2003	69	69	67	57		64	TB
26	21DQ3401011048	Trần Văn Toán	27/05/2003	71	79	70	63		69	Khá
27	21DQ3401011050	Hồ Thị Thủy Tiên	23/07/2003	73	73	50	52		58	TB

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
28	21DQ3401011051	Nguyễn Hữu	Tín	16/02/2003	73	75	62	59		65	Khá
29	21DQ3401011052	Đào Thị Mỹ	Thu	19/08/2003	57	71	54	55		58	TB
30	21DQ3401011053	Hà Thị Kim	Xuyến	13/07/2003	80	78	81	64		74	Khá
31	21DQ3401011054	Võ Thị Hồng	Châu	30/01/2003	65	69	66	56		63	TB
32	21DQ3401011058	Phạm Thị Kim	Thúy	01/01/2003	85	71	56	54		61	TB
33	21DQ3401011059	Ksô	Huỳnh	04/06/2003	63	68	57	53		58	TB
34	21DQ3401011061	Phan Thị Như	Quỳnh	11/05/2003	80	84	85	69		78	Khá
35	21DQ3401011062	Nguyễn Chí	Vỹ	23/07/2003	60	68	59	51		58	TB
36	21DQ3401011063	Trình Thị Kim	Ngân	01/12/2003	59	66	51	50		54	TB
37	21DQ3401011064	Cao Thị Hồng	Ánh	30/04/2002	81	80	68	59		68	Khá
38	21DQ3401011067	Phan Thanh	Tâm	18/09/2002	63	67	53	55		58	TB
39	21DQ3401011068	Trần Thị Bích	Ngọc	05/08/2003	71	79	78	68		74	Khá
40	21DQ3401011069	Dương Thị Bích	Thi	23/11/2003	84	85	94	72		82	Tốt
41	21DQ3401011070	Đặng Kim Khánh	An	16/08/2003	88	96	84	74		83	Tốt
42	21DQ3401011072	Phạm Thành	Danh	10/02/2002	88	93	78	66		77	Khá
43	21DQ3401011073	Nguyễn Quốc	Hùng	04/09/2002	62	63	53	52		56	TB
44	21DQ3401011075	Huỳnh Đức	Thông	19/10/2003	72	68	62	56		62	TB
45	21DQ3401011076	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	07/01/2003	85	87	92	74		83	Tốt
46	21DQ3401011080	Hồ Thị Thanh	Tâm	09/03/2003	75	73	56	55		61	TB
47	21DQ3401011081	Trần Thị Kim	Phương	27/08/2002	72	74	60	55		62	TB

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	4	8.51%	TB	27	57.45%
Khá	16	34.04%	Yếu -Kém	0	0.00%

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

Trưởng phòng CTSV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình